

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: TML23B4 Năm học: 24-25
Mã MH/MĐ: MD05084 Học kỳ: 02
Tên MH/MĐ: Hệ thống máy lạnh công nghiệp
Số TC: 5

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2355202054151	Trương Thanh	Bình	03/08/2008				6	6.5	7.0			7.5		7.1
2	2355202054153	Nguyễn Hoàng	Danh	09/08/2008				7	7.0	7.5			8.5		8.0
3	2355202054154	Nguyễn Đoàn Quốc	Duy	19/08/2008				7	7.5	8.0			8.5		8.1
4	2355202054155	Nguyễn Quốc	Hậu	03/01/2008				8	8.5	9.0			10.0		9.4
5	2355202054157	Ngô Hoang	Huy	14/04/2008				7	6.0	7.0			7.5		7.1
6	2355202054159	Nguyễn Hoàng	Khang	27/10/2008				7	6.0	6.5			8.0		7.4
7	2355202054161	Mai Hồng	Khanh	12/09/2008				6	7.0	7.0			8.5		7.8
8	2355202054162	Nguyễn Đăng	Khoa	20/12/2003				6	6.0	6.0			8.5		7.5
9	2355202054163	Nguyễn Tiến	Khoa	12/04/2008				7	7.0	7.5			8.5		8.0
10	2355202054164	Nguyễn Tuấn	Kiệt	10/07/2008				7	6.0	7.0			9.0		8.0
11	2355202054165	Trần Nguyễn Si	Luân	29/09/2008				9	9.0	9.0			10.0		9.6
12	2355202054166	Đặng Gia	Minh	16/09/2008				5	5.0	6.0			6.5		6.1
13	2355202054167	Nguyễn Lê Nhựt	Nam	24/06/2001				0	0.0	0.0			CT		0.0
14	2355202054168	Nguyễn Tín	Nguyên	22/06/2008				7	7.0	7.0			8.5		7.9
15	2355202054169	Nguyễn Trọng	Nguyên	07/12/2007				6	5.0	6.0			6.0		5.8
16	2355202054170	Trần Văn Vạn	Phát	17/08/2007				7	7.0	7.0			8.5		7.9
17	2355202054172	Nguyễn Văn	Phúc	08/02/2008				7	6.0	7.0			9.0		8.0
18	2355202054173	Lê Huy	Phục	19/02/2008				7	6.0	6.0			7.5		7.0
19	2355202054174	Trần Văn	Quý	23/09/2008				8	8.0	8.5			10.0		9.3
20	2355202054176	Võ Thành	Tâm	10/04/2008				6	5.0	6.0			0.0		2.2
21	2355202054182	Thái Minh	Tường	14/09/2008				8	8.0	8.5			8.5		8.4
22	2355202054183	Trần Sao	Vàng	01/11/2006				9	8.5	9.0			10.0		9.5
23	2355202054184	Lâm Hòa Phương	Vinh	01/03/2008				7	6.0	6.5			0.0		2.6
24	2355202054185	Nguyễn Công	Vinh	09/07/2008				7	6.0	7.0			8.0		7.4

Châu Đốc, ngày 7 tháng 7 năm 2025

TP. Đào tạo Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng Nguyễn Trường Sanh